

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con, cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Thu Thảo
- Ông Nguyễn Hoàng Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền G.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Kiều Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2022/TLST-HNGĐ ngày 21-11-2022, về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-3-2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Tiền G (vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Văn L, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Tiền G (vắng mặt).

3. **Người làm chứng:**

3.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt)

3.2. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Cẩm G và anh Phạm Văn L kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Tân, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Theo chị G trình bày, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, anh L không lo làm ăn, không lo cho gia đình. Vợ chồng đã cố gắng hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ tháng 01-2022 đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: chị G và anh L có 03 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 03-8-2009; Phạm Minh S, sinh ngày 28-8-2013; Phạm Minh P, sinh ngày 21-01-2017, hiện chị đang nuôi 03 con. Chị G yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con.

Về cấp dưỡng cho con: chị G yêu cầu anh L cấp dưỡng cho 03 con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi có khả năng nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Đối với anh Phạm Văn L, trong quá trình tố tụng anh đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị G.

Tại biên bản Tòa án ghi lời khai ngày 12-01-2023, người làm chứng là ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T trình bày: Ông bà là cha mẹ ruột của chị G. Vợ chồng chị G, anh L phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân do anh L không lo làm ăn, không lo cho gia đình, suốt ngày rượu chè, một mình chị G phải lo hết mọi việc. Ông bà đã khuyên nhiều lần nhưng anh L không sửa đổi. Khi chị G chuyển ra nhà trọ để ở thì anh L có xuống một vài lần, nhưng cũng không có chu cấp tiền để nuôi con. Theo ông bà nhận thấy, chị G và anh L không thể hàn gắn lại được.

Kiểm sát viên phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị khắc phục vi phạm về tố tụng. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, buộc chị G, anh L chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Tiền G, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng; bị đơn anh anh Phạm Văn L cư trú tại huyện P, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại các khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Phạm Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị G, anh L.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: xét hôn nhân giữa chị G và anh L là hôn nhân hợp pháp, anh chị kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 11-9-2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Tiền G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, anh L không lo làm ăn, không lo cho gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01- 2022 đến nay.

[4]. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh L đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị G yêu cầu ly hôn với anh L, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

[5]. Về con chung: chị G và anh L có 03 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 03-8-2009; Phạm Minh S, sinh ngày 28-8-2013; Phạm Minh P, sinh ngày 21-01-2017, hiện chị G đang nuôi 03 con. Chị G yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con.

[6]. Xét trong thời gian qua, cháu K, cháu S, cháu P sống với chị G, được chị chăm sóc chu đáo, các cháu đã có cuộc sống ổn định bên chị G nên việc chị G trực tiếp nuôi con là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về cấp dưỡng cho con: chị G trực tiếp nuôi con thì anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét yêu cầu của chị G yêu cầu anh L cấp dưỡng cho 03 con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi lao động được là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về tài sản chung: chị G không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về nợ chung: chị G trình bày chị và anh L không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về án phí: chị G, anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11]. Xét ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm G.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Cẩm G được ly hôn với anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị Cẩm G được trực tiếp nuôi 03 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 03-8-2009; Phạm Minh S, sinh ngày 28-8-2013; Phạm Minh P, sinh ngày 21-01-2017, hiện chị đang nuôi.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Buộc anh Phạm Văn L cấp dưỡng nuôi 03 con chung Phạm Minh K, sinh ngày 03-8-2009; Phạm Minh S, sinh ngày 28-8-2013; Phạm Minh P sinh ngày 21-01-2017 mỗi tháng 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*)/cháu.

Thực hiện từ tháng 4-2023 đến khi cháu K, cháu S, cháu P tròn 18 tuổi, lao động được.

4. Về án phí:

- Chị G phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo

biên lai thu số 0003297 ngày 14-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Tiền G, xem như đã nộp xong án phí.

- Anh Phạm Văn L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: chị G, anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- + NĐ: (01);
- + BD: (01);
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS. H. Tân Phước;
- UBND xã Thạnh Tân;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Thanh Liêm

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

